

Số: 507/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 09 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình  
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 10/TTr-SCT ngày 11/02/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTXDGT, TH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quang Hưng**



**ĐỀ ÁN**

**Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình  
giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 09/13/2022 của UBND tỉnh)

**I. Quan điểm, mục tiêu và định hướng**

**1. Quan điểm và mục tiêu**

**1.1. Quan điểm**

- Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa dựa trên cơ sở khai thác tốt lợi thế cạnh tranh của tỉnh Thái Bình; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết nhu cầu việc làm, thu nhập, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Chủ động khai thác các cơ hội, lợi thế từ hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu; tập trung khai thác cơ hội thị trường, đặc biệt từ các FTA mà Việt Nam đã tham gia, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp hàng hóa của Thái Bình có năng lực cạnh tranh cao hơn và thâm nhập vào các thị trường tốt hơn.

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh, nội lực của tỉnh Thái Bình và thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng phát triển sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, chú trọng phát triển xuất khẩu tại chỗ.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng xuất khẩu, thúc đẩy phát triển những ngành hàng, mặt hàng xuất khẩu mới, nhất là những mặt hàng công nghệ cao, khuyến khích phát triển sản phẩm qua chế biến.

- Gắn kết hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng phát triển bền vững, góp phần củng cố an ninh - quốc phòng.

**1.2. Mục tiêu**

- Phát triển xuất khẩu hàng hoá với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm.

- Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, tăng sản phẩm chế biến, chế tạo thông qua việc đầu tư cho sản xuất mặt hàng xuất khẩu địa phương, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô.

- Chủ động và tích cực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt hàng hóa xuất khẩu là thế mạnh của tỉnh. Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước theo hướng xã hội hóa để phát triển sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu có chất lượng cao. Các mục tiêu cụ thể:

+ Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 đạt 2.759,9 triệu USD, tương ứng với tốc độ tăng bình quân từ 10,5%/năm.

+ Ổn định và đảm bảo tăng trưởng ở mức cao với các thị trường như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ và EU.

- + Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu so với GRDP của tỉnh đạt trên 50% đến năm 2025.
- + Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng 95-96% trong tổng kim ngạch xuất khẩu; nhóm hàng nông, thủy hải sản chiếm 2,5%.

## 2. Định hướng

### 2.1. Định hướng về sản phẩm xuất khẩu chủ lực:

\* Giai đoạn 2021 – 2025: Các sản phẩm chủ lực là những mặt hàng có thế mạnh, có sức tiêu thụ ổn định, thị trường đa dạng, có lợi thế cạnh tranh: May mặc, da giày, xơ, sợi, linh kiện, phụ tùng, sản phẩm kim loại, một số mặt hàng nông nghiệp như gạo, nghêu, rutin hòe...

- Đối với hàng hóa nông sản xuất khẩu: Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng tập trung một số ngành nông sản thực phẩm, thủy hải sản, chế biến nông sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, quy cách sản phẩm phù hợp với thị trường tiêu thụ. Đặc biệt, cần tập trung nâng cao khâu chế biến, bảo quản nông sản.

- Đối với các sản phẩm chế biến chế tạo: Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, khuyến khích xuất khẩu sản phẩm chế biến và chế tạo, các loại sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao; tăng tỷ trọng hàng công nghiệp, đặc biệt là hàng công nghiệp chế tạo như linh kiện và thiết bị ngoại vi; điện tử, viễn thông, vật liệu xây dựng... Xác định phát triển xuất khẩu các mặt hàng mới phù hợp với xu hướng của thị trường thế giới và lợi thế của Thái Bình giai đoạn 2021 - 2025. Các mặt hàng mới là các mặt hàng chế tạo công nghệ trung bình và công nghệ cao (thiết bị điện tử, cơ khí, máy móc, đồ trang trí nội thất...); tập trung phát triển các mặt hàng này trên cơ sở thu hút mạnh đầu tư trong nước và nước ngoài.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ; chuyển dịch cơ cấu sản phẩm chế biến theo hướng nâng cao tỷ trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, hạ giá thành sản phẩm trên cơ sở áp dụng các giải pháp về khoa học công nghệ.

\* Định hướng đến năm 2030: Nâng quy mô công suất các nhà máy và đổi mới công nghệ, năng lực sản xuất, thiết kế sản phẩm (đối với lĩnh vực dệt may, da giày). Tiếp tục duy trì và hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực truyền thống có kim ngạch xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng cao, tạo nhiều công ăn việc làm, đóng góp ngân sách lớn cho tỉnh; trong đó tạo mọi điều kiện để các sản phẩm này tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

### 2.2. Định hướng về thị trường xuất khẩu gắn với mặt hàng xuất khẩu chủ lực:

\* Giai đoạn 2021- 2025:

- Phù hợp định hướng phát triển xuất khẩu chung của cả nước, đó là: Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, củng cố và phát triển các thị trường đã có và tìm kiếm thêm các thị trường, bạn hàng mới, giảm xuất khẩu qua các thị trường trung gian. Tận dụng các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết để phát triển thị trường xuất khẩu hàng hóa.

- Củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa xuất khẩu của tỉnh tại những thị trường truyền thống; tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng.

- Chú trọng phát triển các thị trường trọng điểm trong khu vực và có nhiều tiềm năng mở rộng tại các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), tại Đông Âu (Nga...).

\* Định hướng đến năm 2030: Tiếp tục tận dụng tốt các điều kiện thuận lợi về tiếp cận thị trường và cắt giảm thuế quan ngày càng sâu hơn của các đối tác để mở rộng thị trường, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hoá của tỉnh tới các thị trường mà Việt Nam là thành viên (WTO, AFTA, ACFTA, AANZFTA, AKFTA, AIFTA, AJCEP) và thị trường mà Việt Nam đã ký các FTA, đặc biệt là FTA thế hệ mới; tiếp tục thực hiện phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá để mở rộng giao thương với các nước trong khu vực và hợp tác quốc tế.

## **II. Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu.**

### **1. Giải pháp phát triển nguồn hàng phục vụ xuất khẩu (giải pháp đẩy)**

#### **1.1. Về liên kết phát triển nguồn hàng xuất khẩu**

- Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh, thiên tai nhằm ổn định sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất công nghiệp, an toàn cho người lao động và hoạt động lưu thông hàng hóa, không để xảy ra đứt gãy chuỗi cung ứng; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất khẩu của các ngành hàng xuất khẩu do chịu tác động của dịch bệnh, thiên tai.

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là chuyển đổi số trong quy hoạch vùng chế biến sâu và tổ chức sản xuất nông nghiệp, tạo thương hiệu uy tín, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng đối với các mặt hàng nông, thủy sản là thế mạnh của tỉnh gắn với thị trường nhằm tạo nguồn hàng có chất lượng để xuất khẩu. Kiểm soát theo chuỗi cung ứng ngay từ khâu cung cấp đầu vào cho sản xuất đến xuất khẩu. Hình thành cụm nông nghiệp liên hoàn: Sản xuất - sơ chế - bảo quản - chế biến công nghiệp để giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản xây dựng vùng nguyên liệu trên cơ sở tăng cường liên kết dọc giữa các thành phần trong chuỗi cung ứng hàng xuất khẩu để đảm bảo nguồn hàng ổn định và chất lượng.

- Hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất hàng xuất khẩu nhằm tăng nguồn hàng xuất khẩu của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, dệt may, da giày... đặc biệt là các dự án thuộc các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống.

- Tổ chức kết nối cung cầu hàng hóa phục vụ sản xuất giữa tỉnh Thái Bình và các tỉnh, thành phố; nhất là các tỉnh, thành phố lân cận (có ngành sản xuất nguyên phụ liệu khá mạnh như Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Phòng..., có ưu thế về khoảng cách, thuận tiện giao thông, vận chuyển) để mở rộng liên kết nguồn hàng xuất khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là trong bối cảnh giai đoạn sau dịch Covid-19.

#### **1.2. Về phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ để thúc đẩy tăng tỷ lệ nội địa hóa trong nguồn hàng hóa xuất khẩu**

- Thực hiện các chương trình kết nối doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng với các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng lực, chuyển dần lên các mức cung ứng cao hơn.



- Ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có công nghệ hiện đại, ngành sản phẩm thân thiện với môi trường và tiến đến là ưu tiên cả doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa; thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các doanh nghiệp cung ứng ở bậc cuối trong chuỗi cung ứng toàn cầu (chủ yếu là doanh nghiệp nội địa).

- Khuyến khích các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia đang đầu tư sản xuất tại Việt Nam, kêu gọi các công ty cung ứng đầu tư sản xuất tại Việt Nam. Có chính sách ưu đãi thích hợp thu hút nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài thông qua các phương tiện thông tin, thân nhân trong nước để đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp hỗ trợ.

- Tiếp tục cải thiện cơ chế, chính sách, thủ tục đầu tư ngày càng thông thoáng; ưu tiên, khuyến khích thu hút các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ áp dụng công nghệ cao, sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo sức cạnh tranh của sản phẩm và hàng hóa xuất khẩu.

- Xây dựng và triển khai các chương trình nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nội địa trở thành nhà cung ứng cho các công ty đa quốc gia, cụ thể:

+ Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp công nghệ thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn quy định. Đối với các doanh nghiệp đang trong giai đoạn đào tạo để trở thành nhà cung cấp cho các doanh nghiệp lắp ráp: Hỗ trợ tìm kiếm và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính trong xây dựng, mua sắm máy móc, đào tạo lao động, kết nối với các cơ quan, tổ chức để chứng nhận các tiêu chuẩn cần thiết.

+ Hỗ trợ các doanh nghiệp lắp ráp, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia trong việc tìm kiếm, phát triển nhà cung cấp tại Việt Nam, trong đó có doanh nghiệp của tỉnh: Hỗ trợ, cung cấp, cho thuê máy móc, giải pháp kỹ thuật, gửi chuyên gia tới các doanh nghiệp, hỗ trợ nhà cung cấp áp dụng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng.

+ Kết nối, giới thiệu nhu cầu và năng lực cung ứng của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của tỉnh với các tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp FDI.

1.3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, tạo nguồn hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng cao, phù hợp với tiêu chuẩn thị trường từng khu vực.

- Tăng cường hỗ trợ các giải pháp công nghệ trong chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử di động, thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử di động vào lĩnh vực dịch vụ sản xuất và kinh doanh, sản xuất công nghiệp và xuất khẩu; doanh nghiệp cần đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống quản trị nội bộ điện tử hóa trong các khâu sản xuất, quản lý.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng thương mại điện tử vào phát triển mạng lưới dịch vụ vận chuyển, giao nhận phục vụ hoạt động trên địa bàn tỉnh và các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- Tổ chức các chương trình tập huấn, khóa đào tạo ngắn hạn bằng hình thức truyền thống, hình thức đào tạo trực tuyến về ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo các chủ đề chuyên sâu, phù hợp với lĩnh vực kinh doanh.

1.4. Về phát triển các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực và tiềm năng

(Phụ lục số 01 kèm theo)

## **2. Giải pháp đẩy mạnh tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu (giải pháp kéo)**

### **2.1. Khai thác sâu thị trường xuất khẩu chủ lực nhằm tăng thị phần**

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến mở rộng thị trường xuất khẩu và khai thác sâu thị trường truyền thống, chủ lực, nhất là thị trường các nước mà Việt Nam đã ký kết các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương (Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á-Âu, Úc, NewZealand, EU, HongKong...) nhằm thúc đẩy đa dạng hóa thị trường xuất khẩu hàng hóa của tỉnh.

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu, xây dựng chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng, đẩy mạnh công tác xúc tiến xuất khẩu khai thác sâu các thị trường như EU, Trung Quốc, một số nước ASEAN, Ấn Độ cho các mặt hàng nông sản, thủy hải sản có thế mạnh của tỉnh như nghêu, gạo, rutin hòe; xuất khẩu tại chỗ một số mặt hàng rau củ quả, gạo, thực phẩm chế biến, một số sản phẩm OCOP của tỉnh (ưu tiên các doanh nghiệp được bình chọn doanh nghiệp xuất khẩu uy tín qua các năm, doanh nghiệp có đóng góp ngân sách lớn cho tỉnh).

- Chú trọng các hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thị trường và đổi mới đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập quốc tế sâu rộng, đã và đang thực hiện các cam kết đối với các FTA thế hệ mới.

(Phụ lục số 02 kèm theo)

2.2. Tăng cường xúc tiến thương mại, đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử khai thác thị trường tiềm năng và tìm kiếm thị trường mới, tiết kiệm thời gian, chi phí sản xuất, chi phí logistics.

- Bên cạnh phát triển những thị trường truyền thống, thời gian tới cần tập trung các hoạt động xúc tiến thương mại vào các thị trường mới, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước mà kim ngạch xuất khẩu của tỉnh còn hạn chế (Anh, Mexico, Campuchia, Chile...).

- Đổi mới hình thức xúc tiến thương mại theo hướng ứng dụng các hệ thống mạng xã hội, tổ chức môi trường mạng. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện phương pháp tiếp cận thị trường theo xu hướng hiện đại, ứng dụng không gian mạng thông qua việc thuê gian hàng của các website bán hàng trực tuyến lớn trên thế giới như Amazon, Alibaba, Ebay... hay tại Việt Nam như Tiki, Lazada, Shopee, Voso,...

- Triển khai các chương trình xúc tiến thương mại phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, bố trí kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thị trường trong và ngoài nước đủ dài (từ 3 đến 5 năm) để đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí.

### **2.3. Tận dụng thị trường trong nước, thực hiện xuất khẩu tại chỗ**

- Đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; khai thác thị trường trong nước, thị trường du lịch, liên kết với các khu, cụm công nghiệp để tiêu thụ hàng hóa (sản phẩm nông sản thực phẩm, sản phẩm OCOP, làng nghề) cho các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, doanh nghiệp FDI có quy mô lớn, đông công nhân.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch nhằm thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ sản phẩm hàng hóa của các làng nghề tại các điểm tham quan du lịch.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu một số sản phẩm chủ lực của tỉnh như: Nông sản, thủy hải sản đủ sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các nước ngay trên sân nhà, từng bước đưa hàng hóa của tỉnh vào hệ thống các siêu thị, chuỗi phân phối lớn.

- Cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của các doanh nghiệp về đặc điểm thị trường, xu hướng tiêu dùng, thâm nhập thị trường, kênh phân phối, cải tiến bao gói, nhãn mác, giảm chi phí sản phẩm.

### **3. Giải pháp nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, doanh nghiệp**

3.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chiến lược và đề án phát triển, kế hoạch sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Tạo cơ chế, hành lang pháp lý thông thoáng để thu hút các nguồn lực thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào các ngành có lợi thế trong sản xuất và xuất khẩu. Bổ sung danh mục các lĩnh vực, dự án đầu tư trọng điểm, các chính sách khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực sản xuất các mặt hàng phục vụ xuất khẩu.

3.2. Đối với doanh nghiệp: Chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu phù hợp với phân khúc thị trường. Nắm chắc các quy tắc xuất xứ, lộ trình giảm thuế quan và các ưu đãi khác từ các FTA mà Việt Nam đã ký kết.

### **4. Phát triển nguồn nhân lực**

4.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lao động đáp ứng nhu cầu về lao động trong nước và quốc tế, nâng cao tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, lao động tay nghề cao, lao động có nghiệp vụ ngoại thương làm công tác xuất nhập khẩu.

4.2. Đối với doanh nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp, ngành hàng: Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ có thể làm việc độc lập và mang tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa nền kinh tế; tích cực triển khai việc áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp, mô hình quản lý chất lượng trong tổ chức sản xuất và kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

### **5. Giải pháp về chính sách phát triển hạ tầng xuất nhập khẩu**

5.1. Giải pháp phát triển hạ tầng xuất khẩu: Xây dựng và triển khai quy hoạch về hệ thống kết cấu hạ tầng xuất, nhập khẩu; hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, trung tâm hội chợ - triển lãm thương mại, trung tâm dịch vụ thương mại - tài chính - ngân hàng giai đoạn đến năm 2025 để hỗ trợ cho các hoạt động xuất nhập khẩu. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, nâng cấp cảng biển để sớm trở thành cửa ngõ đưa hàng hóa thông thương từ Thái Bình tới các vùng trong cả nước và đến các nước trên thế giới một cách thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả.

#### **5.2. Giải pháp phát triển các dịch vụ logistics phục vụ xuất khẩu**

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics, giảm chi phí, thúc đẩy và gắn kết công nghệ thông tin trong logistics để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu.

- Tạo sự liên kết thông qua chuyển đổi số hay ứng dụng công nghệ thông tin giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu với các doanh nghiệp logistics, doanh

nghiệp vận tải biển, doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng để đảm bảo chuỗi cung ứng hiệu quả, nâng cao tính cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

## **6. Xây dựng hệ thống thông tin, truyền thông và nâng cao hiểu biết về ưu đãi thương mại từ các FTA**

6.1. Đối với các cơ quản lý nhà nước: Tăng thời lượng tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện có hiệu quả các quy định trong hoạt động xuất khẩu. Phối kết hợp với các Cục, Vụ của Bộ Công Thương và các bộ ngành liên quan, kết nối với các thương vụ Việt Nam tại thị trường khu vực các nước, kịp thời thông tin tới doanh nghiệp tình hình thị trường với các thay đổi về cơ chế chính sách, các rủi ro, thông tin về hàng rào kỹ thuật, nhu cầu thị trường (đặc biệt với các nước có chung đường biên giới với Việt Nam) để nắm rõ tình hình cửa khẩu và hoạt động thông quan xuất khẩu, giảm thiểu việc hàng hóa đưa lên biên giới bị ách tắc, ùn ứ, gây thiệt hại đến chất lượng và lãng phí về nhân lực, chi phí...; kết nối với Bộ Công Thương, các bộ ngành liên quan để các doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

6.2. Đối với các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu: Xây dựng chiến lược xuất khẩu của doanh nghiệp phù hợp với từng khu vực thị trường, chiến lược phát triển mặt hàng theo hướng cải tiến quy trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh.

## **7. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại trên thị trường nước ngoài, tăng cường phòng chống gian lận thương mại, gian lận xuất xứ**

7.1. Cung cấp kịp thời các thông tin về mặt hàng có nguy cơ bị áp các biện pháp phòng vệ thương mại. Thực hiện cảnh báo sớm các mặt hàng có nguy cơ cao gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp.

7.2. Tăng cường hậu kiểm, áp dụng quản lý rủi ro đối với các mặt hàng được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ ưu đãi đi các nước mà Việt Nam tham gia các FTA; tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ", Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới".

### **III. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư**

#### **1. Các dự án hạ tầng logistics**

- Tập trung xây dựng nâng cấp cảng biển Thái Bình (Diêm Điền, Trà Lý, Ba Lạt).
- Sớm hoàn thiện và đưa vào sử dụng khu dịch vụ cảng logistics có diện tích khoảng 450 ha tại xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Xây dựng trung tâm thương mại và hội chợ triển lãm quy mô 30.000 m<sup>2</sup> tại xã Tân Bình, thành phố Thái Bình.
- Xây dựng 01 tổng kho luân chuyển hàng hóa, dịch vụ hậu cần khu công nghiệp và dịch vụ thương mại tổng hợp tại xã Tân Bình và Phú Xuân, thành phố Thái Bình; 01 trung tâm logistics quy mô khoảng 10ha tại KCN Tiền Hải.



## **2. Các dự án hạ tầng giao thông phục vụ xuất nhập khẩu**

- Đường biển: Đầu tư xây dựng cảng biển Thái Bình đủ năng lực tiếp nhận tàu biển có trọng tải lớn đến 50.000DWT (phía biển), 5.000DWT (phía trong sông)

- Đường bộ: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc qua các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, đoạn qua địa phận tỉnh Thái Bình; Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ thành phố Thái Bình đến đường Thái Bình - Hà Nam, đoạn từ Cống Vực đến đường Thái Bình - Hà Nam; Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường thành phố đi Cồn Vành; Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường thành phố đi Cầu Ngàn.

## **3. Các dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp**

- Dự án sản xuất, chế biến, rau củ, quả hữu cơ phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu nhằm góp phần tạo vùng nguyên liệu, chế biến ổn định sản phẩm đầu ra, tăng hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và người tiêu dùng.

- Dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Lúa chất lượng cao, khoai tây, rau chất lượng cao, lợn, gia cầm, bò thịt.

- Dự án nhà máy chế biến ngao công suất 70.000 tấn/năm tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Tiền Hải.

- Dự án nhà máy chế biến thực phẩm từ lợn và gia cầm, thủy sản để góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đáp ứng nhu cầu thị trường.

## **4. Các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp**

- Dự án nhà máy sản xuất phụ liệu ngành may mặc (cúc, mex, khóa...) nhằm sản xuất phụ liệu ngành may mặc thay thế hàng nhập khẩu từ Trung Quốc (KCN Sông Trà hoặc KCN Cầu Ngàn hoặc các CCN khác).

- Dự án nhà máy sản xuất sợi; bông tấm; mex (mex vải, mex giấy, mex dệt) nhằm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ của tỉnh; đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu (KCN Tiền Hải và các KCN khác của tỉnh).

- Dự án nhà máy sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện tử, cung cấp các sản phẩm kỹ thuật cao phục vụ ngành công nghiệp điện, điện tử (KCN Sông Trà, KCN Cầu Ngàn, KCN Liên Hà Thái).

- Dự án nhà máy sản xuất thiết bị, vật liệu bằng gốm, sứ sử dụng nhiên liệu khí mỏ nhằm sản xuất các loại thiết bị và vật liệu bằng gốm, sành sứ tráng men theo công nghệ hiện đại phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu (KCN Tiền Hải).

- Dự án nhà máy sản xuất các sản phẩm công nghiệp phụ trợ: Linh kiện, phụ tùng ô tô; linh kiện, thiết bị điện tử; thiết bị máy nông nghiệp (KCN TBS Sông Trà, Cầu Ngàn, KCN Tiền Hải).

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ gỗ cao cấp (KCN Phúc Khánh).

- Dự án nhà máy sản xuất phụ kiện gia đình, phòng tắm, đèn chiếu sáng trong nhà, ngoài trời và đồ nội ngoại thất (KCN Tiền Hải, KCN Liên Hà Thái).

## **IV. Kinh phí thực hiện Đề án**

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trong Đề án được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo quy định, nguồn vốn của doanh nghiệp, nguồn vốn tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể được giao trong đề án: Các sở, ngành, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, lập dự toán kinh phí và gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

## **V. Tổ chức thực hiện và xác định nhiệm vụ**

### **1. Cơ quan tổ chức và phối hợp thực hiện**

1.1. Sở Công Thương: Là cơ quan thường trực, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai kế hoạch thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu.

Hàng năm phối hợp với các sở, ngành, hiệp hội doanh nghiệp, các huyện, thành phố tổ chức sơ kết, đánh giá hiệu quả của Đề án.

1.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ, xúc tiến đầu tư và phát triển tỉnh Thái Bình triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, xuất khẩu trong và ngoài nước; phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức xúc tiến đầu tư thu hút các dự án đầu tư sản xuất có giá trị gia tăng, kim ngạch xuất khẩu cao.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; cân đối, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu, khu quy hoạch sản xuất, xuất khẩu; phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung các chính sách khuyến khích thu hút đầu tư đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương.

1.4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

1.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc tăng cường hoạt động xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng nông sản, kết nối các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản trên địa bàn; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các nội dung, chương trình của Đề án thuộc chức năng, nhiệm vụ..

1.6. Sở Khoa học và Công nghệ: Ưu tiên triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong chế biến và bảo quản các mặt hàng nông sản xuất khẩu, các ứng dụng kiểm soát và truy xuất nguồn gốc; xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

1.7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Xây dựng chương trình đào tạo nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu phát triển của thị trường lao động, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp.

1.8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số vào hoạt động nhằm đẩy mạnh xuất khẩu.

1.9. Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh: Tập trung huy động tối đa các nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khu kinh tế và các khu công nghiệp; tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu kinh tế và các khu công nghiệp, đặc biệt là các dự án có giá trị gia tăng cao.

1.10. Chi cục Hải quan Thái Bình, Cục Thuế tỉnh: Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực hải quan, thuế theo hướng đơn giản hóa thủ tục, nhanh chóng, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu.

1.11. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh: Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng phục vụ xuất khẩu theo chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Ủy ban nhân dân tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay phục vụ phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, tăng sản lượng hàng hóa xuất khẩu, tăng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế.

1.12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tăng cường công tác quản lý và triển khai thực hiện các quy hoạch được phê duyệt trên địa bàn. Căn cứ vào điều kiện thực tế, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và phối hợp với các sở, ngành, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đề án, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm của địa phương.

1.13. Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng: Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị triển khai các nội dung, chương trình của Đề án liên quan đến ngành hàng; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp hội viên về các nội dung hỗ trợ của Đề án; là đầu mối kết nối, nắm bắt khó khăn của các doanh nghiệp, chủ động đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) giải pháp hỗ trợ kịp thời.

1.14. Doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu: Đổi mới cách thức hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, bạn hàng; khai thác hiệu quả những tiện ích của công nghệ thông tin và đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường, nắm bắt nhu cầu của khách hàng, tiết kiệm chi phí giao dịch, quảng cáo...; chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn lao động có tay nghề cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác thị trường giới nghiệp vụ ngoại thương, tin học và ngoại ngữ.

## **2. Chương trình, nhiệm vụ thực hiện đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.**

(Phụ lục số 03 kèm theo)

Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung các đơn vị chủ động phối hợp với Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Phụ lục 01: Các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực và tiềm năng**  
 (Kèm theo Đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình  
 giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030)

Stt	Mặt hàng	Nhiệm vụ cụ thể
1	Hàng may mặc/hàng dệt (khăn bông)/ hàng xơ, sợi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao giá trị gia tăng của mặt hàng may mặc, giảm dần tỷ trọng gia công và mở rộng thị trường/đa dạng hóa thị trường xuất khẩu: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Myanmar, LB Nga.</li> <li>- Hình thành các khu, cụm các nhà máy dệt may để tạo tính liên kết trong sản xuất nhằm phân công lao động và tăng tính chuyên môn hóa.</li> <li>- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các công đoạn trong chuỗi cung ứng sản phẩm dệt may, xơ sợi nhằm đáp ứng được các quy tắc xuất xứ, hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu tới các nước thành viên trong các FTA ( CPTPP, EVFTA) và tạo thêm nhiều việc làm cho lao động.</li> <li>- Tạo điều kiện để doanh nghiệp dệt may đầu tư công nghệ sản xuất mới, hiện đại.</li> <li>- Tăng cường liên kết/phối hợp các đơn vị đào tạo nguồn nhân lực ngành dệt may cho tỉnh Thái Bình để tập trung vào khâu thiết kế thời trang, thiết kế mẫu rập, phát triển sản phẩm, quản trị chuỗi cung ứng, quản lý đơn hàng nhằm nâng cao năng suất, trình độ quản lý của doanh nghiệp dệt may, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.</li> </ul>
2	Hàng thủ công mỹ nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy hoạch mạng lưới làng nghề nhằm bảo tồn và cung cấp vùng nguyên liệu, liên kết chặt chẽ với các tỉnh có vùng cung cấp nguyên liệu để đảm bảo phục vụ phát triển sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.</li> <li>- Xây dựng đề án phát triển thương hiệu cho các làng nghề và một số sản phẩm tiêu biểu của làng nghề thủ công mỹ nghệ.</li> </ul>
3	Hàng nông sản thực phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu về giống và các kỹ thuật canh tác nhằm tăng cường sản lượng và giảm bớt các mối đe dọa dịch bệnh đối với hàng nông sản thực phẩm.</li> <li>- Khuyến khích đầu tư vào các nhà máy chế biến nhằm nâng cao khả năng chế biến sâu, đa dạng hóa các kênh phân phối.</li> <li>- Xây dựng chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp chế biến xuất khẩu với hộ sản xuất, chăn nuôi nhằm tạo nguồn nguyên liệu ổn định có chất lượng cao phục vụ cho sản xuất, xuất khẩu.</li> </ul>



Stt	Mặt hàng	Nhiệm vụ cụ thể
4	Hàng sứ dân dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố thị trường truyền thống và phát triển thị trường mới như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU.</li> <li>- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại thông qua các hội chợ, triển lãm lớn, có uy tín trong và ngoài nước, ứng dụng thương mại điện tử xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm trên internet, hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh nhằm phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.</li> </ul>
5	Hàng da giày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường trong sản xuất, kinh doanh ngành hàng da giày. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&amp;D), ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ đổi mới, hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm, nâng cao tỷ trọng nội địa hóa trong chế tạo các hệ thống thiết bị đồng bộ.</li> <li>- Tận dụng tối đa ưu đãi thuế quan từ các FTA. Chủ động cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp về các hàng rào kỹ thuật đối với các thị trường nhập khẩu: Các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm; tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội, môi trường...</li> </ul>
6	Thiết bị điện tử, mặt hàng điện và điện tử (tai nghe, dây dẫn điện ô tô, chân Ram máy tính, cable, tấm Pin năng lượng mặt trời...)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng các lợi thế từ các Hiệp định thương mại song phương (FTA), nhất là thị trường EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước trong khu vực sẽ tạo điều kiện cho hàng Việt Nam tiếp cận thuận lợi hơn.</li> <li>- Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu hàng điện tử theo hướng đẩy mạnh các mặt hàng có giá trị gia tăng cao; chú trọng đổi mới công nghệ, thiết bị, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có kim ngạch lớn, có khả năng đạt tốc độ tăng trưởng cao.</li> <li>- Áp dụng thí điểm một cụm công nghiệp điện tử nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ với những ưu đãi cần thiết để khuyến khích liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, trong đó hạt nhân là các công ty đa quốc gia.</li> </ul>
7	Linh kiện, phụ tùng, sản phẩm kim loại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chính sách ưu tiên, khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia và các công ty vệ tinh của các tập đoàn đã và đang đầu tư sản xuất tại Việt Nam đến đầu tư tại Thái Bình.</li> <li>- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm chuyên ngành tại nước ngoài như ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ. Kết nối, trao đổi thông tin với các tổ chức, hiệp hội ngành nghề tại nước ngoài.</li> <li>- Xây dựng cổng thông tin, bản tin về công nghiệp hỗ trợ cung</li> </ul>

Stt	Mặt hàng	Nhiệm vụ cụ thể
		cấp các thông tin chính sách, pháp luật, thị trường, công nghệ, giúp kết nối doanh nghiệp với thị trường; tăng cường quảng bá, giới thiệu thông tin về các sản phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu về cung ứng linh kiện phụ tùng làm cơ sở xúc tiến liên kết giữa doanh nghiệp với các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp trong nội địa và hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.



**Phụ lục 02: Thị trường xuất khẩu chủ lực**  
(Kèm theo Đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030)

Stt	Thị trường	Nhiệm vụ cụ thể
1	Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật chính sách, quy định mới của Trung Quốc về nhập khẩu, thông tin đến doanh nghiệp XNK để có giải pháp ứng phó nhằm hạn chế các rủi ro; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến thủ tục XNK vào thị trường này.</li> <li>- Cùng cố và đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng chủ lực.</li> <li>- Định hướng doanh nghiệp chuyển dần sang hình thức xuất khẩu theo hình thức chính ngạch và thanh toán bằng L/C.</li> </ul>
2	Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng mối quan hệ hiện có với các doanh nghiệp đã đầu tư và phát triển tại tỉnh và cả nước để kết nối giao thương, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường này.</li> </ul>
	Hàn Quốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng đãi từ các Hiệp định thương mại tự do VKFTA và VJEPA để đẩy mạnh xuất khẩu.</li> </ul>
3	Hoa Kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp đã xuất khẩu sang thị trường Mỹ để có những khuyến cáo về tình hình thị trường, thông tin kịp thời cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh</li> <li>- Tổ chức các đoàn đi hội chợ, triển lãm quốc tế chuyên ngành để khảo sát thị trường tìm đối tác, bạn hàng; mời các đoàn doanh nghiệp của Mỹ hoặc các doanh nghiệp của Mỹ có hoạt động đầu tư tại Việt Nam đến làm việc, hội thảo, gặp gỡ doanh nghiệp và tham dự hội chợ, triển lãm (trong bối cảnh dịch Covid-19 nghiên cứu tổ chức theo hình thức trực tuyến).</li> <li>- Duy trì gia công, xuất khẩu và phân phối qua trung gian để từng bước thâm nhập hàng hóa vào thị trường Mỹ với số lượng lớn hơn; tiếp tục đầu tư đổi mới trang thiết bị; tập trung đầu tư vào công nghệ thiết kế, nâng cao chất lượng và thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra sản phẩm có mẫu mã phù hợp với yêu cầu của người tiêu dùng.</li> </ul>
4	Các nước EU	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng EVFTA để thúc đẩy xuất khẩu nhóm hàng thị trường EU có nhu cầu nhập khẩu và Thái Bình có lợi thế so sánh là dệt may, xơ polyester, hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, điện, điện tử, hàng sử dân dụng, thủy hải sản...</li> <li>- Xây dựng kênh phân phối hàng hóa nhằm xuất khẩu trực tiếp vào hệ thống bán buôn/bán lẻ tại một số thị trường lớn như Đức, Pháp, Ý, Hà Lan...</li> <li>- Tăng cường công tác xúc tiến xuất khẩu sang thị trường EU: Tổ chức/tham gia hội chợ, triển lãm và hội thảo chuyên đề tại Việt Nam và EU, nghiên cứu, tìm hiểu thị trường thông qua Phòng Thương mại và Công nghiệp các nước EU tại Việt Nam,</li> </ul>

Stt	Thị trường	Nhiệm vụ cụ thể
		<p>Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Cục Xúc tiến Thương mại và các tham tán thương mại Việt Nam ở nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kênh thông tin về thị trường EU để nghiên cứu, đưa ra những cảnh báo sớm về những rào cản kỹ thuật của EU để doanh nghiệp xuất khẩu có giải pháp kịp thời.</li> </ul>
5	Các nước ASEAN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu các nhóm hàng nông sản và tăng cường xuất khẩu hàng công nghiệp như dệt may, điện tử, máy móc thiết bị phụ tùng.</li> <li>- Nâng cao tính cạnh tranh về giá cho sản phẩm xuất khẩu.</li> </ul>
6	Hồng Kông/Đài Loan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường chất lượng các mặt hàng xuất khẩu.</li> <li>- Kết nối giao thương giữa doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với các doanh nghiệp tại thị trường này nhằm đẩy mạnh xuất khẩu.</li> <li>- Thúc đẩy xuất khẩu nhóm mặt hàng mà Thái Bình có lợi thế so sánh là dệt may, thủ công mỹ nghệ, giày dép.</li> </ul>
7	Ô-xtrây-li-a và NewZealand	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phổ biến đến các doanh nghiệp về luật pháp kinh doanh và tập quán tiêu dùng tại thị trường này.</li> <li>- Tăng cường xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh và duy trì gia công, xuất khẩu và phân phối qua trung gian để đưa hàng vào thị trường khó tính này.</li> <li>- Tăng cường gắn kết với hệ thống các nhà phân phối và doanh nghiệp theo dạng B2B (doanh nghiệp tới doanh nghiệp) để tìm chỗ đứng vững chắc cho hàng hóa xuất khẩu.</li> </ul>
8	Các nước khác (Liên bang Nga, Chi-lê, Ấn-Độ, Ca-na-đa....)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật tình hình thị trường.</li> <li>- Hỗ trợ doanh nghiệp các thông tin về các rào cản trong hoạt động xuất khẩu.</li> <li>- Kết nối với các Tham tán thương mại tại các quốc gia xuất khẩu để tìm kiếm thị trường. Tăng cường gắn kết với hệ thống các nhà phân phối và doanh nghiệp theo dạng B2B (doanh nghiệp tới doanh nghiệp) để tìm chỗ đứng vững chắc cho hàng hóa xuất khẩu.</li> </ul>



**Phụ lục 03: Chương trình, nhiệm vụ thực hiện đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030**  
(Kèm theo Đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030)

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>1</b>	<b>Các nhiệm vụ phát triển nguồn lực nội tại để phục vụ/đáp ứng hoạt động xuất khẩu</b>			
1.1	Phổ biến, tuyên truyền về lợi ích phát triển xuất khẩu cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh và quảng bá các doanh nghiệp, đơn vị xuất khẩu điển hình thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, mạng xã hội và các hình thức khác	Sở Công Thương	Các sở, ngành, các đơn vị có liên quan	Hàng năm
1.2	Tổ chức các hội nghị đào tạo, tập huấn cho Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã về lĩnh vực xuất nhập khẩu; tổ chức hội nghị, cung cấp thông tin về sản phẩm của các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, kết nối hỗ trợ xuất khẩu nông sản, thực phẩm thông qua kênh Trung tâm xúc tiến thương mại Liên minh hợp tác xã Việt Nam và Sàn giao dịch thương mại điện tử Liên minh hợp tác xã Việt Nam để giới thiệu tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước	Liên minh Hợp tác xã	Các đơn vị liên quan, Hiệp hội DN tỉnh	Hàng năm
1.3	Tổ chức các chương trình giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa giữa Thái Bình và các tỉnh, thành phố để tăng nguồn hàng xuất khẩu	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP	Hàng năm
1.4	Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp/tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp HTX xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm và hướng dẫn doanh nghiệp xét chọn doanh nghiệp xuất khẩu uy tín	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP	Hàng năm
1.5	Tổ chức hội nghị doanh nghiệp, hội nghị giao ban tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu thuộc các lĩnh vực ngành nghề	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP	Hàng năm

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1.6	Nghiên cứu thị trường có liên quan đến xuất khẩu hàng hóa chủ lực của tỉnh/xây dựng quy chuẩn kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng với thị trường xuất khẩu	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2025
1.7	Duy trì Cổng thông tin quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm
1.8	Đào tạo, tập huấn cho, cán bộ quản lý Nhà nước, doanh nghiệp xuất nhập khẩu kiến thức về các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên; kiến thức về phòng vệ thương mại...	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
1.9	Thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - doanh nghiệp.	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
1.10	Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tập trung vốn tín dụng cho phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên trong đó có xuất khẩu.	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
1.11	Triển khai thực hiện kiểm tra tập trung đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan	Chi cục Hải quan Thái Bình	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
1.12	Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế đến năm 2025 (Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND tỉnh)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, TP	Hàng năm
1.13	Tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, TP	Hàng năm

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	<b>Các nhiệm vụ phát triển nguồn cung ứng phục vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh</b>			
2.1	Xây dựng kế hoạch phát triển dịch vụ logistics của tỉnh đến năm 2025 phục vụ phát triển hạ tầng cho hoạt động xuất khẩu	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải; các sở, ngành liên quan	2021-2022
2.2	Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các dự án: Đường ven biển, đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn, đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình (đoạn từ cầu ngang S1 đến đường Chu Văn An kéo dài), đường từ thành phố Thái Bình đi Cồn Vành (đường Thái Bình - Nam Định), các tuyến đường trục trong Khu kinh tế; quy hoạch chi tiết và triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Cảng biển Thái Bình (Diêm Điền, Trà Lý, Ba Lạt) và một số công trình giao thông quan trọng khác.	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, TP	2021-2025
2.3	Điều tra, khảo sát, thống kê về tình hình xuất khẩu và xây dựng kế hoạch phát triển hàng xuất khẩu theo ngành hàng, đặc biệt là các lĩnh vực có tiềm năng xuất khẩu cao.	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan; Hiệp hội DN tỉnh	2021-2025
2.4	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư, hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp.	Ban Quản lý KKT và các KCN	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm
2.5	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trung tâm xúc tiến thương mại/hội chợ triển lãm/các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh/trung tâm logistics	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, TP	2021-2025

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2.6	Triển khai các chương trình, giải pháp để xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, xây dựng mã số vùng trồng cho các hàng hóa nông sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh, triển khai các dự án	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP	2022
2.7	Triển khai các dự án, chương trình áp dụng sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), nông nghiệp hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, TP	2021-2025
2.8	Triển khai các chương trình quản lý chất lượng, hợp tác kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm theo yêu cầu của thị trường quốc tế.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
2.9	Triển khai thực hiện các chương trình, dự án áp dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, chuyển đổi số hóa trong phát triển toàn chuỗi giá trị của từng sản phẩm nông lâm thủy sản của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan	2021-2025
2.10	Xây dựng chương trình liên kết trong mở rộng vùng nguyên liệu, sản xuất và tiêu thụ nông sản với một số tỉnh thành trong và ngoài nước có điều kiện tương đồng thông qua tham quan, học tập kinh nghiệm, hợp tác đầu tư...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP	Hàng năm
2.11	Triển khai Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND huyện, TP	
<b>3</b>	<b>Các nhiệm vụ đẩy mạnh đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu, tiêu thụ hàng hóa</b>			
3.1	Xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Thái Bình giai đoạn 2025-2030	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP	2024

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3.2	Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Thái Bình.	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, TP	2022-2025
3.3	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến, kinh doanh hàng xuất khẩu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
3.4	Xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư trực tiếp hoặc trực tuyến để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng đầu tư tại Thái Bình	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý KKT và các KCN; các sở, ngành liên quan	Hàng năm
3.5	Hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch TMĐT; sàn giao dịch hàng hóa uy tín trong nước và thế giới (Lazada /Shopee/ Tiki/Alibaba/Ebay/Amazon...)	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm
3.6	Phát triển các giải pháp xây dựng nội dung và tiếp thị trực tuyến dành cho sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm
3.7	Tham gia các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xuất khẩu tại các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Công Thương; các sở ngành liên quan	Hàng năm
3.8	Xây dựng các chương trình xúc tiến thương mại: Tổ chức các đoàn doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Công Thương; các sở,	Hàng năm

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	<i>(trực tiếp hoặc trực tuyến)</i> , hội nghị, diễn đàn...(tập trung hỗ trợ các ngành hàng: công nghiệp hỗ trợ, thủ công mỹ nghệ, nông thủy hải sản, dệt may, da giày, công nghệ thông tin...)		ngành liên quan; Hiệp hội DN tỉnh	
3.9	Tổ chức kết nối các đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào giao thương, kết nối doanh nghiệp nước ngoài với doanh nghiệp trong tỉnh nhằm đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; các sở, ngành liên quan	Hàng năm
3.10	In ấn, phát hành catalogue tập gấp về tiềm năng, lợi thế của tỉnh và các dự án kêu gọi đầu tư vào tỉnh phục vụ tại hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo quốc tế và làm tài liệu quảng bá tại Đại sứ quán Việt Nam ở các nước	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
3.11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chuyên mục tình hình thực hiện các FTA, các kế hoạch thực hiện các FTA thế hệ mới của tỉnh.</li> <li>- Dự báo sớm kịch bản và phương án phát triển xuất khẩu sau đại dịch Covid - 19 của tỉnh (ngành hàng, nhu cầu của các thị trường)</li> </ul>	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm